táng bù zhù

搪不住

verb · cannot withstand; cannot block

Example Sentence

Tā de jiè kǒu táng bù zhù lǎo bǎn de zhuī wèn
他的借口 搪 不住老板的追 问 。

His excuse could not withstand the boss's persistent questioning.

Trace each character, then write the word on your own.

搪 搪 搪 搪 搪 搪 搪 搪 搪 搪 搪

搪 搪 搪 搪 搪

不 不 不 不 不 不 不

住 住 住 住 住 住 住 住 住 住